Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy: 12/8
Tuần dạy 15

TIẾT 29. BÀI 15. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…

> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển ngành công nghiệp nói riêng và quá trình công nghiệp hóa nói chung.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

Câu hỏi: Theo dõi video và nêu hiểu biết của em về sự thay đổi ngành công nghiệp nước ta.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trình chiếu và cho HS chơi "Chung sức", HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Cơ cấu ngành công nghiệp bao gồm cơ cấu công nghiệp theo ngành, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế và cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta chuyển dịch như thế nào? Tại sao có sự chuyển dịch đó?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

a) Mục tiêu: HS trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

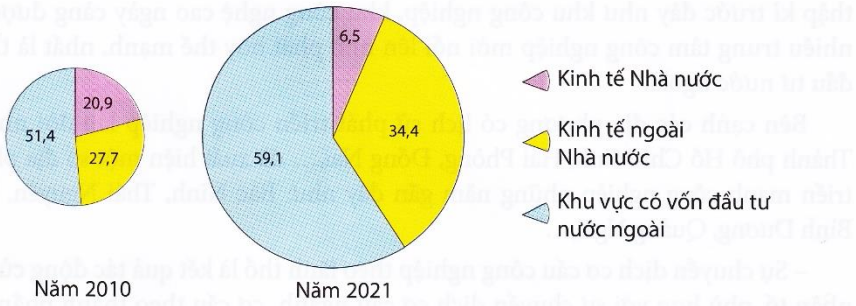

Hình 15. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và năm 2021 (%)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, 2022)

Bảng 15.1. CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO NHÓM NGÀNH Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Năm / Nhóm ngành	2010	2015	2021
Khai khoáng	10,2	5,3	3,0
Chế biến, chế tạo	86,2	90,7	93,0
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3,0	3,3	3,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải	0,6	0,7	0,7

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, 2016, 2022)

Bảng 15.2. CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO CÁC VÙNG KINH TẾ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Vùng / Năm	Trung du và	Đồng bằng	Bắc Trung Bộ và Duyên	Tây Nguyên	Đông Nam	Đồng bằng

	miền núi Bắc Bộ	sông Hồng	hải miền Trung (nay là vùng BTB và vùng NTB)	(nay thuộc vùng NTB)	Bộ	sông Cửu Long
2010	3,3	28,5	8,6	1,0	49,0	9,6
2015	9,4	32,4	8,6	0,9	39,5	9,2
2021	11,7	37,9	9,7	0,8	31,7	8,2

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, 2016, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP

Cơ cấu công nghiệp	Biểu hiện
Theo ngành	
Theo thành phần kinh tế	
Theo lãnh thổ	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

Cơ cấu công nghiệp	Biểu hiện
I. Theo ngành	- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng. - Hướng chuyển dịch: giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng, tăng tỉ trọng của nhóm ngành chế biến, chế tạo. - Trong nhóm ngành công nghiệp: chuyển dịch từ các ngành và công nghệ sản xuất sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. - Trong từng ngành: chuyển dịch từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp sang các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu...
II. Theo thành phần kinh tế	- Giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. - Sự chuyển dịch này là phù hợp với chính sách phát triển kinh tế mở, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
III. Theo lãnh thổ	- Có sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp giữa các vùng. - Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mới: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,... - Giá trị sản xuất công nghiệp theo từng vùng kinh tế có sự thay đổi rõ rệt. - Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu theo thành phần kinh tế và các chính sách phát triển công nghiệp…

EM CÓ BIẾT?

Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 - 7 - 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, ngành công nghiệp (cấp 1) gồm 4 nhóm với 34 ngành (cấp 2). Đó là các nhóm công nghiệp khai khoáng (5 ngành); nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo (24 ngành); nhóm công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng,

hơi nước và điều hoà không khí (1 ngành) và nhóm công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải (4 ngành).

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Tóm tắt lại hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở nước ta theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Gợi ý:**

- Hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành: giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng, tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.

+ Trong nội bộ nhóm ngành: chuyển dịch từ các ngành và công nghệ sản xuất sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao.

+ Trong từng ngành: chuyển dịch từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp sang các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu, tăng tỉ trọng năng lượng tái tạo trong công nghiệp sản xuất điện.

- Hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế: giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

- Hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ: thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp giữa các vùng, sự hình thành và phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mới và có hiệu quả hơn như: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,…

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hoặc theo thành phần kinh tế ở địa phương em.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, lịch sử, vị trí địa lí, diện tích, dân số, các hoạt động công nghiệp chủ yếu….

- Sưu tầm, tìm hiểu thông tin về sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành/thành phần ở địa phương:

+ Hướng chuyển dịch chung…

+ Trong nội bộ từng ngành/thành phần..,

+ Định hướng…

+…

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm hiểu và thảo luận.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 16. MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy: 12/8
Tuần dạy 15, 16

TIẾT 30-31. BÀI 16. MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày, dép thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,...

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

*** Năng lực đặc thù:**

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…

> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển ngành công nghiệp của nước ta.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp.

- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Em hãy cho biết tên ngành công nghiệp tương ứng với từng bức ảnh?

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trình chiếu hình ảnh và câu hỏi để HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Nước ta có điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển một nền công nghiệp có cơ cấu ngành đa dạng. Sự phát triển của mỗi ngành công nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau trong từng giai đoạn nhất định. Các ngành công nghiệp nước ta phát triển và phân bố như thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp (khai thác than; khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính)

a) Mục tiêu: HS trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than; khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

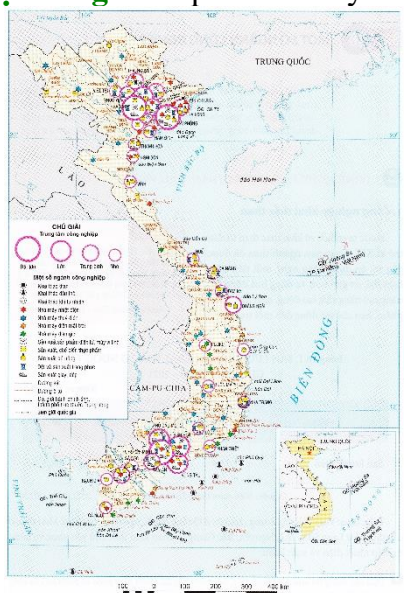

Hình 16.1. Bản đồ phân bố một số ngành công nghiệp Việt Nam năm 2021

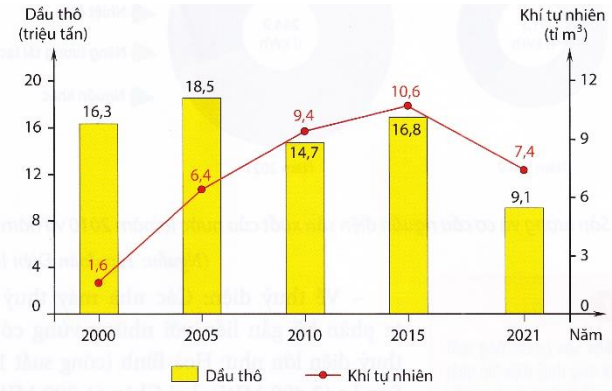

Hình 16.2. Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên khai thác trong nước giai đoạn 2000 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, 2006, 2011, 2016, 2022)

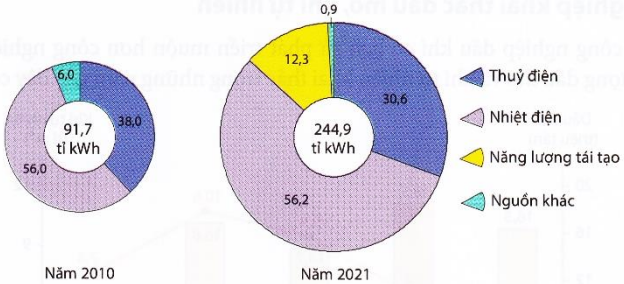

Hình 16.3. Sản lượng và cơ cấu nguồn điện sản xuất của nước ta năm 2010 và năm 2021 (%)

(Nguồn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Bảng 16.1. SẢN LƯỢNG THAN KHAI THÁC Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2015	2021
Sản lượng than	11,6	44,8	41,7	48,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, 2011, 2016, 2022)

Bảng 16.2. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐIỆN TỬ, MÁY VI TÍNH NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: triệu cái)

Sản phẩm / Năm	2010	2015	2021
Điện thoại di động	37,5	235,6	183,3
Ti vi lắp ráp	2,8	5,5	20,6
Tủ lạnh, tủ đông dùng trong gia đình	1,5	1,6	2,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Ngành công nghiệp	Tình hình phát triển và phân bố
1	Khai thác than	
2	Khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên	
3	Sản xuất điện	
4	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

Ngành công nghiệp	Tình hình phát triển và phân bố
I.1. Khai thác than	- Phát triển từ đầu thế kỉ XIX. - Đã được đầu tư, áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, cơ giới hoá, tự động hoá đồng bộ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạn chế tác động đến môi trường. - Than khai thác chủ yếu phục vụ nhiệt điện và XK. - Phân bố: chủ yếu ở Quảng Ninh, ngoài ra có ở Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh....
I.2. Khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên	- Phát triển muộn. - Sản lượng có biến động. - Nhiều công nghệ mới, tiên tiến trong khai thác dầu khí đã được áp dụng. - Định hướng: phát triển theo hướng tăng cường chế biến sâu để đảm bảo nguồn năng lượng quốc gia. - Phân bố: + Dầu thô: mỏ Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông, Hồng Ngọc.... + Khí tự nhiên: các bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay - Thổ Chu,... + Khai thác dầu khí ở nước ngoài: 1,9 triệu tấn dầu thô (2021).

<table>
<tr>
<td>II. Sản xuất điện</td>
<td>
- Được hình thành và bắt đầu phát triển từ lâu.
- Tăng trưởng nhanh chóng.
- Sản lượng điện nước ta tăng mạnhđạt 244,9 tỉ kWh (2021).
- Các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, thông minh được ứng dụng hiệu quả trong sản xuất, vận hành, quản lí hệ thống lưới điện,...
- Cơ cấu gồm: thủy điện, nhiệt điện (than, khí, dầu), điện mặt trời, điện gió và nguồn khác:
+ Thủy điện: Phân bố gắn liền với những vùng có tiềm năng thuỷ điện lớn.
<table>
<tr><th>Nhà máy</th><th>Công suất (MW)</th></tr>
<tr><td>Sơn La</td><td>2400</td></tr>
<tr><td>Hòa Bình</td><td>1920</td></tr>
<tr><td>Lai Châu</td><td>1200</td></tr>
<tr><td>Ialy</td><td>720</td></tr>
<tr><td>Đồng Nai 4</td><td>340</td></tr>
<tr><td>Trị An</td><td>400</td></tr>
<tr><td>…</td><td>…</td></tr>
</table>
+ Nhiệt điện: Gồm nhiệt điện than và nhiệt điện khí.
<table>
<tr><th>Nhiệt điện</th><th>Nhà máy</th><th>Công suất (MW)</th></tr>
<tr><td rowspan="5">Than</td><td>Phả Lại 2</td><td>600</td></tr>
<tr><td>Quảng Ninh 1</td><td>600</td></tr>
<tr><td>Mông Dương 1</td><td>1080</td></tr>
<tr><td>Hải Phòng 1</td><td>600</td></tr>
<tr><td>…</td><td>…</td></tr>
<tr><td rowspan="5">Khí</td><td>Phú Mỹ 1</td><td>1140</td></tr>
<tr><td>Cà Mau 1</td><td>771</td></tr>
<tr><td>Nhơn Trạch 2</td><td>750</td></tr>
<tr><td>Ô Môn 1</td><td>660</td></tr>
<tr><td>…</td><td>…</td></tr>
</table>
- Điện mặt trời, điện gió và nguồn khác:
+ Phát triển chủ yếu ở Nam Trung Bộ và ĐBSCL.
+ Đã xây dựng và vận hành một số nhà máy điện rác thải ở: Hà Nội, TP. HCM, Cần Thơ,...
</td>
</tr>
<tr>
<td>III. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính</td>
<td>
- Xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác.
- Cơ cấu rất đa dạng: sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị điện dân dụng.
- Tốc độ tăng trưởng cao.
- Mang lại giá trị kinh tế lớn.
- Tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta.
- Định hướng: tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng giá trị nội địa,...
- Phân bố: các địa phương có nhiều lợi thế về nguồn lao động, cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài như: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thái Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai.
</td>
</tr>
</table>

EM CÓ BIẾT?

Than trên phần đất liền Việt Nam phân bố ở 6 bể than chính là Đông Bắc, An Châu (Bắc Giang - nay là Bắc Ninh), Lạng Sơn, Sông Hồng, Nông Sơn (Quảng Nam - nay là TP Đà Nẵng), sông Cửu Long, trong đó bể than Đông Bắc có trữ lượng 5,1 tỉ tấn, bể than Sông Hồng có trữ lượng 41,9 tỉ tấn.

(Nguồn: Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam)

EM CÓ BIẾT?

Nhà máy thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là nhà máy thủy điện lớn nhất Đông Nam Á, được khởi công xây dựng vào tháng 12 - 2005 và đưa vào hoạt động tháng 12 - 2012. Nhà máy có vị trí nằm trên sông Đà thuộc địa phận xã Ít Ong, tỉnh Sơn La. Ngoài cung cấp điện, thủy điện Sơn La còn góp phần chống lũ, chống hạn cho hạ lưu và tăng khả năng phát điện cho nhà máy thủy điện Hoà Bình.

(Nguồn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp (Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt và sản xuất trang phục; Giày dép)

a) Mục tiêu: HS trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt, may; Giày dép thông qua bảng số liệu, tư liệu,...

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

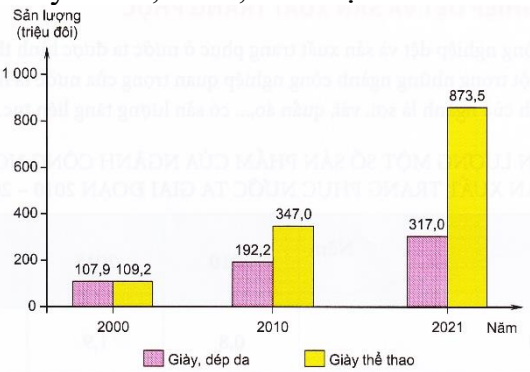

Hình 16.4. Sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất giày, dép nước ta giai đoạn 2000 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, 2011, 2022)

Bảng 16.3. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm Sản phẩm	**2010**	**2015**	**2021**
Thủy sản ướp đông *(triệu tấn)*	1,2	1,6	2,0
Dầu thực vật tinh luyện *(triệu tấn)*	0,5	0,9	1,3
Sữa tươi *(triệu lít)*	520,6	1 027,9	1 288,2
Gạo xay xát *(triệu tấn)*	33,4	40,7	39,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Bảng 16.4. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: triệu lít)

Năm Sản phẩm	2010	2015	2021
Nước khoáng	458,5	877,3	1 036,7
Nước tinh khiết	1 342,9	2 390,1	2 729,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Bảng 16.5. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT VÀ SẢN XUẤT TRANG PHỤC NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm Sản phẩm	2010	2015	2021
Sợi *(triệu tấn)*	0,8	1,9	3,5
Vải *(triệu m^2)*	1 176,9	1 525,6	2 520,7
Quần, áo mặc thường *(triệu cái)*	2 604,5	4 320,0	5 539,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Ngành công nghiệp	Tình hình phát triển, phân bố và xu hướng
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	
2	Sản xuất đồ uống	
3	Dệt và sản xuất trang phục	
4	Giày dép	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

Ngành công nghiệp	Tình hình phát triển và phân bố
IV. Sản xuất, chế biến thực phẩm	- Phát triển từ lâu đời. - Sản lượng ngày càng tăng. - Chất lượng ngày càng được nâng cao. - Định hướng: + Thu hút đầu tư. + Chú trọng công nghệ tự động hoá, quản lí chất lượng. + Phát triển chuỗi sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. + Đa dạng hoá sản phẩm cho thị trường nội địa. + Mở rộng thị trường xuất khẩu, chủ động hội nhập quốc tế. - Phân bố: + Rộng khắp cả nước. + Các trung tâm lớn là: TP. HCM, Hà Nội, Đồng Nai, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ,...
V. Sản xuất đồ uống	- Là một trong những ngành có truyền thống lâu đời. - Chất lượng được cải thiện.

		- Sản phẩm đã giữ được thị phần trong nước và bước đầu xuất khẩu. - Định hướng: sản xuất theo hướng bền vững như: sử dụng nguyên liệu hữu cơ, tái sử dụng - tái chế chất thải hoặc sản phẩm dư thừa,... - Phân bố: tập trung ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,…
	VI. Dệt và sản xuất trang phục	- Được hình thành từ sớm và trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng của nước ta. - Các sản phẩm chính: sợi, vải, quần áo.... - Sản lượng: tăng liên tục. - Định hướng: chuyển từ gia công sang các hình thức sản xuất đòi hỏi năng lực cao hơn. - Phân bố: phát triển mạnh ở các địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, Huế, Đà Nẵng,...
	VII. Giày dép	- Phát triển nhanh. - Là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. - Được đẩy mạnh tự động hoá, tích hợp hệ thống trong sản xuất, thay đổi phương thức cung ứng nguyên, phụ liệu để phù hợp với chuỗi cung ứng toàn cầu. - Định hướng: + Phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn + Hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. + Phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới. - Phân bố: tập trung ở Hà Nội và các tỉnh phía Nam, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai,...

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Lập bảng tóm tắt tình hình phát triển và phân bố của một ngành công nghiệp đã học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Gợi ý:**

Ngành công nghiệp	Tình hình phát triển	Phân bố
Công nghiệp dệt, sản xuất trang phục	- Được hình thành từ sớm và trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng của nước ta. - Các sản phẩm chính: sợi, vải, quần áo.... - Sản lượng: tăng liên tục. - Định hướng: chuyển từ gia công sang các hình thức sản xuất đòi hỏi năng lực cao hơn.	Phát triển mạnh ở các địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, Huế, Đà Nẵng,...

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về một ngành công nghiệp quan trọng đối với địa phương em.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Gợi ý:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, lịch sử, vị trí địa lí, diện tích, dân số, các hoạt động công nghiệp chủ yếu….

- Viết bài giới thiệu về một ngành công nghiệp: Giới thiệu khái quát về ngành công nghiệp

+ Điều kiện phát triển:

> Thuận lợi…

> Khó khăn…

+ Tình hình phát triển:

> Tình hình chung…

> Sản lượng, tỉ trọng trong cơ cấu…

> Sản phẩm chủ yếu…

> Phân bố…

> Xu hướng….

> Vị trí, vai trò của ngành trong vùng, trong nước, xuất khẩu…

+ Phương hướng để tiếp tục phát huy các thuận lợi, hạn chế các khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm hiểu và thảo luận.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 17. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy: 12/8
Tuần dạy 16

TIẾT 32. BÀI 17. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đã bỏ Trung tâm công nghiệp

- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự hình thành và phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…

> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.

> Nhận xét và giải thích sơ đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh…

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng đất nước, tự hào về quá trình phát triển ngành công nghiệp, quá trình công nghiệp hóa ở nước ta.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp.

- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trình chiếu và cho HS chơi "Đi tìm kho báu", HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta rất đa dạng và đang góp phần thực hiện quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp phổ biến ở nước ta là gì? Mỗi hình thức có đặc điểm thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Tìm hiểu khu công nghiệp, khu công nghệ cao

a) Mục tiêu: HS phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 17. CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2021

Tên khu công nghệ cao	**Năm thành lập**	**Diện tích** *(ha)*	**Sản phẩm/hướng phát triển chính**
Khu công nghệ cao Hoà Lạc (Hà Nội)	1998	1 586,0	Điện thoại thông minh 5G, thiết bị mạng 5G, ra-đa cảnh giới biển ứng dụng công nghệ 4G, 5G, cấu kiện động cơ máy bay, dụng cụ cắt gọt công nghệ cao trong công nghiệp hàng không,...
Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	2002	913,2	Vi điện tử - công nghệ thông tin - viễn thông; cơ khí chính xác - tự động hoá; công nghệ sinh học áp dụng trong dược phẩm và môi trường; năng lượng mới - vật liệu mới - công nghệ nano.
Khu công nghệ cao Đà Nẵng	2010	1 128,4	Công nghệ thông tin - truyền thông, phần mềm tin học; công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới; tự động hoá và cơ khí chính xác; công nghệ môi trường, công nghệ phục vụ hoá dầu; công nghệ sinh học,...
Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai	2016	207,8	Nghiên cứu, ươm tạo, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; SX và kinh doanh SP công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Hình thức	Khái niệm/đặc điểm	Vai trò/ý nghĩa	Tình hình/xu hướng
1,2	Khu công nghiệp			
3,4	Khu công nghệ cao			

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

Hình thức	Khái niệm/đặc điểm	Vai trò/ý nghĩa	Tình hình/phân bố
I. Khu công nghiệp	- Là khu vực có ranh giới địa lí xác định, chuyên thực hiện sản xuất hàng công nghiệp hay những dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất công nghiệp. - Gồm nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp sinh thái.	- Thu hút vốn đầu tư. - Đẩy mạnh xuất khẩu. - Tiếp nhận kĩ thuật, công nghệ tiên tiến, phương pháp quản lí hiện đại, kích thích sự phát triển các ngành CN phụ trợ và doanh nghiệp trong nước. - Tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao. - Thúc đẩy việc HĐH hệ thống kết cấu hạ tầng…	- Gắn liền với công cuộc Đổi mới, mở cửa nền kinh tế của nước ta. - Cả nước đã có 397 khu công nghiệp (2021). - Phân bố không đồng đều: tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Bộ, ĐBSH. - Định hướng: giảm tiêu hao năng lượng, hạn chế phát thải khí nhà kính, chú trọng trách nhiệm xã hội và được quản trị theo mô hình Chính phủ số.
II. Khu công nghệ cao	Là nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.	- Làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước. - Thu hút các nguồn lực để thúc đẩy hoạt động công nghệ cao. - Tạo nhiều cơ hội việc làm,...	- Nước ta có các khu công nghệ cao (2021): Hoà Lạc (Hà Nội); Thành phố Hồ Chí Minh; Đà Nẵng, khu công nghệ sinh học Đồng Nai **(theo bảng 17)**

EM CÓ BIẾT?

Khu công nghiệp được thành lập đầu tiên của nước ta là khu chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 1991,

Giai đoạn 2016 - 2021, các khu công nghiệp ở nước ta đóng góp khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tạo việc làm cho khoảng 3,8 triệu lao động.

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - nay là Bộ tài chính)

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Lập bảng so sánh một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp của nước ta (khu công nghiệp, khu công nghệ cao).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Hướng dẫn: HS lập bảng so sánh theo gợi ý sau.**

Tiêu chí	Khu công nghiệp	Khu công nghệ cao
Khái niệm		
Vai trò		
Tình hình		

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Tìm hiểu và trình bày về một khu công nghiệp hoặc một trung tâm công nghiệp ở địa phương em.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Ví dụ:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, lịch sử, vị trí địa lí, diện tích, dân số, các hoạt động công nghiệp chủ yếu, các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp chủ yếu….

- Viết báo cáo:

+ Vai trò…

+ Số lượng…

+ Phân loại…

+ Phân bố…

+ Xu hướng…

+ Đề xuất giải pháp để tiếp tục phát huy hiệu quả của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mà em báo cáo.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm hiểu và thảo luận.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 18. THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT VÀ GIẢI THÍCH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy: 12/8
Tuần dạy 17

TIẾT 33. BÀI 18. THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT VÀ GIẢI THÍCH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hành.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bảng số liệu để vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển ngành công nghiệp ở nước ta.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về tình hình phát triển ngành công nghiệp ở nước ta.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,…

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế và nghề nghiệp.

- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

*** Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

1. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 18. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2020	2021
Giá trị sản xuất	3 045,6	6 817,3	11 880,4	13 026,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, 2016, 2021, 2022)

- Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị sản xuất ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 - 2021.
- Nhận xét và giải thích sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta giai đoạn trên.

2. Dựa vào hình 16.3, hãy:

- Nhận xét sự thay đổi về sản lượng và cơ cấu nguồn điện sản xuất của nước ta năm 2010 và năm 2021.
- Giải thích sự thay đổi đó.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) Mục tiêu: HS vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

c) Sản phẩm: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

*** THAM KHẢO:**

1.

- Vẽ biểu đồ:

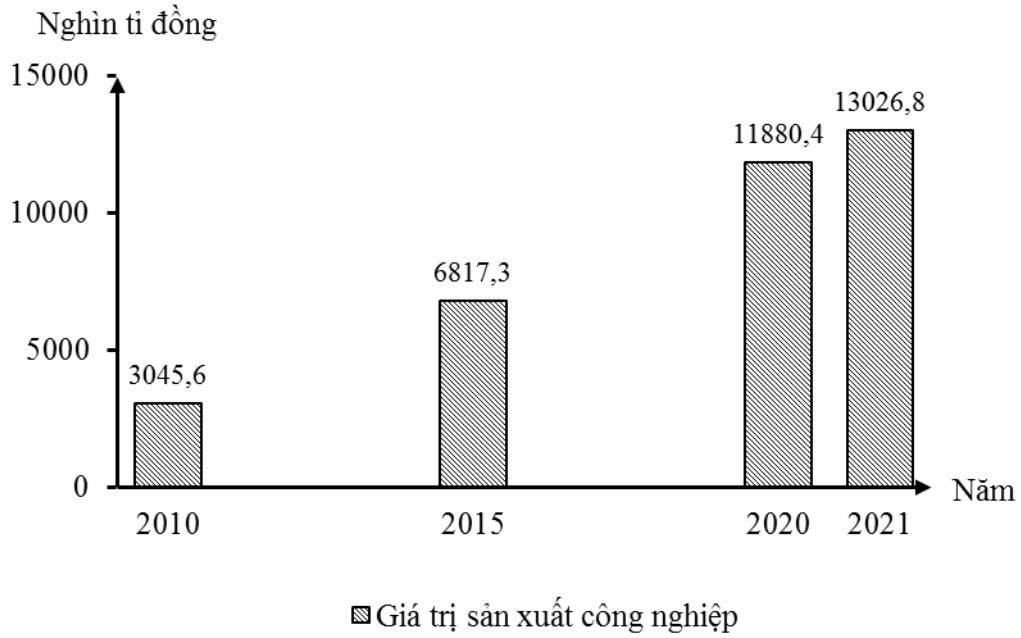

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

- Nhận xét và giải thích:

Nhìn chung giá trị sản xuất ngành công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 – 2021 đã không ngừng tăng lên, cụ thể:

+ Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng từ 3045,6 nghìn tỉ đồng năm 2010 lên 13026,8 nghìn tỉ đồng năm 2021.

+ Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2015 – 2020, từ 6817,3 nghìn tỉ đồng tăng lên 11880,4 nghìn tỉ đồng, tăng 5063 nghìn tỉ đồng trong vòng 5 năm, trung bình mỗi năm tăng hơn 1000 nghìn tỉ đồng.

Sự thay đổi trên là phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, sự phát triển và mở rộng của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

2.

- Nhận xét:

Nhìn chung sản lượng và cơ cấu nguồn điện sản xuất của nước ta năm 2010 và năm 2021 đã có sự thay đổi, sản lượng tăng lên và cơ cấu nguồn điện khác nhau, cụ thể:

+ Sản lượng điện tăng lên nhanh chóng, từ 91,7 tỉ kWh năm 2010 tăng lên 244,9 tỉ kWh, tăng 153,2 tỉ kWh.

+ Trong cơ cấu nguồn điện sản xuất giai đoạn này chỉ có tỉ trọng nguồn điện từ thủy điện giảm, giảm từ 38% năm 2010 xuống chỉ còn 30,6% năm 2021, tiếp tục đứng vị trí thứ 2 trong cơ cấu nguồn điện.

+ Tỉ trọng nguồn điện từ nhiệt điện vẫn giữ nguyên vị trí quan trọng nhất, chiếm hơn nửa cơ cấu nguồn điện, tăng nhẹ trong giai đoạn này, từ 56% năm 2010 lên 56,2% năm 2021.

+ Tỉ trọng nguồn điện gió, điện mặt trời tăng mạnh, từ 6% năm 2010 tăng lên 12,3% năm 2021, tăng gấp đôi.

+ Đặc biệt, năm 2010 tỉ trọng các nguồn điện khác không đáng kể thì đến năm 2021, tỉ trọng các nguồn điện khác đã chiếm 0,9% trong cơ cấu nguồn điện nước ta.

- Giải thích:

+ Tỉ trọng nguồn điện từ thủy điện giảm là do tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy điện chậm hơn tốc độ tăng trưởng sản lượng điện từ các nguồn khác. Điện gió, điện mặt trời và

các nguồn điện khác có tỉ trọng tăng vì ngành công nghiệp sản xuất điện của nước ta đang chuyển dịch cơ cấu sang các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo khác.

+ Các nguồn điện khác được phát triển hiện nay trong cơ cấu nguồn điện nước ta đó là điện rác thải, điện sinh khối….

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

A. Hòa Bình - Cà Mau. **B.** Lạng Sơn - Cà Mau.

C. Lai Châu - Cần Thơ. **D.** Hà Nội - Cà Mau.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến cơ cấu công nghiệp chế biến thực phẩm của nước ta đa dạng?

A. Nhiều thành phần kinh tế tham gia.

B. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

C. Nguồn lao động được nâng cao tay nghề.

D. Cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp.

Câu 3. Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong cơ cấu GDP của nước ta tăng lên chủ yếu do

A. đẩy mạnh công nghiệp hóa. **B.** hội nhập kinh tế sâu rộng.

C. xây dựng nông thôn mới. **D.** đa dạng hóa cơ cấu kinh tế.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí vào bài toán cụ thể.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng - sai

Câu 4. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

Năm	2018	2019	2020	2021
Quần áo *(triệu cái)*	5247	5502,2	5406,8	5539,5
Giầy dép da *(triệu đôi)*	282,5	301,8	287,2	317,0
Giấy bìa *(nghìn tấn)*	2113,6	2425,0	2674,2	2870,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

a) Các sản phẩm công nghiệp ở trên của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2018 - 2021. **(S)**

b) Giấy bìa có tốc độ tăng nhanh nhất. **(Đ)**

c) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2018 - 2021. **(Đ)**

d) Các ngành công nghiệp trên được phát triển dựa vào nguồn nguyên liệu, lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn. **(Đ)**

III. Trả lời ngắn

Câu 5. Cho bảng số liệu :

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Điện (tỉ kWh)	91,7	157,9	231,5	244,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%). *(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

Đáp án: 267

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập CK1.